

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HSST
Ngày: 14/12/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Tiến Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Ngọc Phương.
Bà Lý Thị Vinh.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu tham gia phiên toà: Ông Hoàng Minh Quốc - Kiểm sát viên.

Ngày 14/12/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu mở phiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2023/HSST ngày 07/11/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-HS ngày 01/12/2023 đối với bị cáo:

Sùng A S; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1990 tại xã P, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản C, xã P, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Trình độ học vấn: 12/12; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam - Nguyên Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng bản - Trưởng ban quản lý sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng C, xã P, huyện Thuận Châu (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng ngày 11/7/2023); Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Sùng Gàn Chổng, sinh năm: 1962 và con bà: Thào Thị Đór, sinh năm: 1963; Bị cáo có vợ: Mùa Thị C, sinh năm: 1989 và 02 con, lớn 04 tuổi nhỏ 01 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 11/7/2023, có mặt.

****Bị hại:*** Cộng đồng bản C, xã P, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Người đại diện theo pháp luật: Ông Mùa A X; Chức vụ: Phó Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng bản; Ủy quyền cho ông **Sùng A K-** Là chủ tài khoản tiền dịch vụ môi trường rừng của bản C, xã P, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản C, xã P, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (Văn bản ủy quyền ngày 12/7/2023), có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*** Chị **Mùa Thị C;** Sinh năm: 1989; Nơi cư trú: Bản C, xã P, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cộng đồng bản M, xã P, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La được giao quản lý và bảo vệ 367,96 ha diện tích rừng tái sinh tự nhiên. Hàng năm được Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Sơn La chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng theo Nghị định số:156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp để phục vụ các hoạt động tuần tra, bảo vệ, phát triển rừng và chi các hoạt động C của cộng đồng bản. Ngày 27/6/2018 Sùng A S được bầu là trưởng bản M, xã P, huyện Thuận Châu nay là bản C, xã P, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La nhiệm kỳ 2018- 2020 và được UBND xã P, huyện Thuận Châu phê chuẩn kết quả bầu cử trưởng bản M, xã P bằng Quyết định số: 114 ngày 04/7/2018 của UBND xã P, huyện Thuận Châu. Đến khoảng cuối năm 2019 Sùng A S được Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Sơn La cho đi tập huấn về công tác quản lý, sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng. Sau khi tập huấn xong, ngày 09/12/2019 Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Sơn La đã cùng với Ban quản lý bản M, xã P và Đại diện UBND xã P tiến hành họp bản hướng dẫn bản M, xã P ban hành Quy chế bảo vệ phát triển rừng, quản lý sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng của bản M, xã P, huyện Thuận Châu, sau khi họp xong tháng 02 năm 2020, Ban quản lý bản M, xã P đã ban hành Quy chế bảo vệ phát triển rừng, quản lý sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng bản M và được UBND xã P xác nhận.

Theo Quy chế bảo vệ phát triển rừng, quản lý sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng bản M, xã P có bầu ra danh sách thành viên Ban quản lý sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng của bản, bầu ra danh sách thành viên Ban quản lý sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng của bản gồm 05 người và bầu Sùng A S - Trưởng bản làm Trưởng ban. Tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng của bản M, xã P nhận được hàng năm sẽ sử dụng chi vào các mục như sau: Chi phí cho các hoạt động quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, thu lao cho thành viên tuần tra, kiểm tra bảo vệ rừng hàng tháng không quá 25%; Chi sử dụng cho làm mới, duy tu, sửa chữa và mua sắm các cơ sở hạ tầng của bản không quá 60%; Chi cho hoạt động phát triển sinh kế do chi hội phụ nữ bản quản lý không quá 15%.

Tuy nhiên, sau khi ban hành quy chế thì Sùng A S không tổ chức họp và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban quản lý sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng của bản theo quy chế đã ban hành. Tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng của cộng đồng bản M nay là bản C, xã P được Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Sơn La chi trả hàng năm theo Nghị định số:156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018, Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp. Sau khi trực tiếp nhận tiền về bản thì Sùng A S không bàn giao tiền cho ông Thào A N là thủ quỹ giữ theo quy chế đã ban hành mà một mình Sùng A S giữ ở nhà sử dụng chi cho các hoạt động C của cộng đồng bản.

Tính đến tháng 3 năm 2020 Sùng A S đang giữ số tiền dịch vụ môi trường rừng của bản bao gồm: Tiền quỹ của bản từ nhiệm kỳ cũ chuyển sang: 66.437.000 đồng. Sùng A S cùng với ông Sùng A K và ông Thào Xuân Vển Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Thuận Châu rút tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng của bản C được chi trả năm 2019: 241.000.000 đồng. Tổng cộng là:

307.437.000 đồng. Lợi dụng việc được quản lý tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng của bản Sùng A S đã chiếm đoạt tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng được chi trả cho bản vào các năm 2019, 2020 và 2021 vào mục đích cá nhân, đã tự ý lấy tiền quỹ chi trả dịch vụ môi trường rừng của cộng đồng bản mà S đang giữ, quản lý cho ông Sùng N T vay số tiền 20.000.000 đồng và lấy lãi là 9.700.000 đồng. Cuối nhiệm kỳ trưởng bản khi công khai các khoản thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng của bản thì S giấu không công khai khoản chi này với nhân dân trong bản. Số tiền gốc 20.000.000 đồng ông T trả S tiếp tục đưa vào quỹ của bản để quản lý sử dụng, còn tiền lãi do ông T trả S thì S đã sử dụng chi tiêu vào mục đích cá nhân là: 8.700.000 đồng, còn 1.000.000 đồng tiền lãi S đã bị thu giữ khi cơ quan điều tra khám xét nhà S vào ngày 11/7/2023.

Ngày 25/8/2020 Sùng A S được tái bầu là trưởng bản C, xã P, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La nhiệm kỳ 2020- 2023 và được UBND xã P, huyện Thuận Châu Phê chuẩn kết quả bầu cử là Trưởng bản C bằng Quyết định số: 169 ngày 01/9/2020 của UBND xã P và tiếp tục quản lý và giữ tiền quỹ dịch vụ môi trường rừng của Cộng đồng bản C. Số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng của Cộng đồng bản từ năm 2020 chuyển sang là 135.824.000 đồng. Ngày 16/3/2021, Sùng A S khi đó là chủ tài khoản cùng với ông Sùng A K và ông Thào Xuân Vển Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Thuận Châu rút tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng của bản C được chi trả năm 2021 tổng số tiền: 89.000.000 đồng. Tổng số tiền dịch vụ môi trường rừng của bản C, xã P do Sùng A S quản lý năm 2021 là: 224.824.000 đồng. Số tiền này S không bàn giao cho ông Thào A N là người được phân công làm thủ quỹ giữ theo quy chế của bản đã ban hành mà tự mình Sùng A S giữ để ở nhà sử dụng chi cho các hoạt động C của cộng đồng bản. Đến khoảng tháng 9 năm 2021 Sùng A S làm nhà ở của gia đình S nhưng do thiếu tiền chi trả cho việc làm nhà nên S đã tự ý sử dụng số tiền: 148.249.000 đồng trong tổng số tiền 224.824.000 đồng tiền dịch vụ môi trường rừng của cộng đồng bản C do S đang quản lý để làm nhà mà không bàn bạc, thống nhất, không thông qua với Ban quản lý bản và Ban quản lý sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng của bản và nhân dân trong bản C. Đến khi công khai các khoản thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng của bản C, xã P vào cuối năm thì S giấu không công khai khoản chi này với nhân dân trong bản. Đến ngày 02/02/2023, khi Tổ công tác Công an huyện Thuận Châu kiểm tra việc thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng của cộng đồng bản, kiểm tra quỹ tiền mặt do S quản lý mới phát hiện S đã chiếm đoạt tổng số tiền 148.249.000 đồng tiền dịch vụ môi trường rừng của cộng đồng bản C do S đang quản lý để sử dụng vào mục đích cá nhân.

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu đã thu giữ các vật chứng sau:

- Thu giữ trong quá trình khám xét nhà ở của Sùng A S vào ngày 11/7/2023 gồm:

+ Bốn quyển sổ tay (bản gốc).

+ Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 257.700.000 đồng. Trong đó có số tiền 236.700.000 đồng là tiền dịch vụ môi trường rừng của cộng đồng bản C chưa

chi, 20.000.000 đồng là tiền khắc phục hậu quả và 1.000.000 đồng là tiền ông Sùng N T vay trả lãi cho Sùng A S.

+ Chị Mùa Thị C (*Vợ của Sùng A S*) đã tự nguyện giao nộp số tiền 19.761.000 đồng là tiền khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của Sùng A S; 36.239.000 đồng là tiền dịch vụ môi trường rừng của cộng đồng bản C chưa chi.

- Ngày 12/10/2023 chị Mùa Thị C đã tự nguyện giao nộp số tiền 53.000.000 đồng là tiền khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của Sùng A S tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Châu.

- Ngày 13/12/2023 chị Mùa Thị C đã tiếp tục khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của Sùng A S số tiền: 75.488.000 đồng giao nộp cho Cộng đồng bản C, xã P huyện Thuận Châu.

Ngày 05/10/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu đã ra Quyết định trưng cầu giám định số: 315/QĐ ngày 05/10/2023 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La giám định số tiền: 1.000.000 đồng thu giữ trong quá trình khám xét nhà ở của Sùng A S.

Tại Kết luận giám định số: 2404/ KL- KTHS ngày 09/10/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: Số tiền 1.000.000 VNĐ gửi giám định là tiền thật. Hoàn lại đối tượng giám định: Toàn bộ số tiền gửi giám định.

Bản cáo trạng số: 214/CT-VKS, ngày 07/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đề nghị truy tố bị cáo Sùng A S về tội Tham ô tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu giữ quyền công tố luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Sùng A S về tội Tham ô tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Sùng A S phạm tội Tham ô tài sản.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 353; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự :

Xử phạt bị cáo Sùng A S mức án tù 03 năm đến 04 năm tù tháng.
Thời hạn tính từ ngày 11/7/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 5 Điều 353 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Về bồi thường dân sự : Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự :

Chấp nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo Sùng A S, chị Mùa Thị C với đại diện Cộng đồng bản C, xã P, huyện Thuận Châu bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt 168.249.0000 đồng và không có yêu cầu bồi thường gì khác. Cụ thể:

+ Được khấu trừ vào số tiền 39.761.000 đồng (ba mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn đồng) đã được Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu trao trả cho Cộng đồng bản C, xã P, huyện Thuận Châu ngày 02/11/2023.

+ Được khấu trừ vào số tiền 75.488.000 đồng (bảy mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng) là tiền chi Mùa Thị C giao nộp cho Cộng đồng bản C, xã P, huyện Thuận Châu ngày 13/12/2023.

+ Được khấu trừ vào số tiền 53.000.000 đồng (năm mươi ba triệu đồng) theo biên lai thu ký hiệu BLTT/23, quyển số 017, số 0000801 ngày 12/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Châu, Cộng đồng bản C, xã P, huyện Thuận Châu.

Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước là tiền do bị cáo Sùng A S phạm tội mà có số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) gồm 02 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) có mã số hiệu lần lượt là: CI 18491232, XE 15615610 được đựng trong một phong bì màu trắng niêm phong, mặt trước ghi: Vật chứng vụ Sùng A S tham ô tài sản, niêm phong hồi 15 giờ 10 phút ngày 10/10/2023 tại phòng PC 09 Công an tỉnh Sơn La. Gồm có số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) + Vỏ phong bì cũ gửi giám định. Mặt sau phong bì, dán giấy niêm phong của Công an tỉnh Sơn La số: 0019317, có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành phần tham gia niêm phong và 02 hình dấu đỏ của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La.

- Tịch thu của bị cáo Sùng A S nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 8.700.000 đồng (tám triệu bảy trăm nghìn đồng) là tiền do phạm tội mà có bị cáo đã tiêu xài hết.

- Trả lại cho Cộng đồng bản C, xã P, huyện Thuận Châu:

- Trả lại cho Cộng đồng bản C, xã P, huyện Thuận Châu: 4 quyển sổ tay.

- Chấp nhận việc ngày 02/11/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu trả lại cho Cộng đồng bản C, xã P, huyện Thuận Châu số tiền 272.700.000 đồng (hai trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Sùng A S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Ý kiến của bị hại Cộng đồng bản C, xã P, huyện Thuận Châu: Nhất trí với lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu. Xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mức nhẹ nhất. Giữa bị cáo Sùng A S, chị Mùa Thị C với đại diện Cộng đồng bản đã thỏa thuận bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt 168.249.0000 đồng đã nhận được số tiền là 115.249.000 đồng, còn lại số tiền 53.000.000 đồng cộng đồng bản chúng tôi sẽ nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật và không có yêu cầu gì thêm. Đối với 04 quyển sổ tay là bản gốc đề

ngiht được trả lại. Cộng đồng bản đã được Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu trao trả số tiền 272.700.000 đồng vào ngày 02/11/2023.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Mùa Thị C: Nhất trí với lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, Sùng A S là chồng tôi, tôi đã tự nguyện cùng Sùng A S khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt tổng số tiền là 168.249.000 đồng và không có ý kiến gì thêm.

Lời nói sau cùng của bị cáo Sùng A S: Nhất trí với lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu. Nay bị cáo đã thực sự nhận ra lỗi lầm của mình, bị cáo xin lỗi toàn thể bà con nhân dân bản C, bị cáo rất ân hận, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét những tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, những đóng góp của bị cáo đối với bản C, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo xin miễn hình phạt bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi của bị cáo Sùng A S thấy rằng: Sùng A S là người có chức vụ quyền hạn: Ngày 27/6/2018 Sùng A S được bầu là trưởng bản M, xã P, huyện Thuận Châu nay là bản C, xã P, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La theo Quyết định số: 114 ngày 04/7/2018 và Quyết định số: 169 ngày 01/9/2020 của UBND xã P, huyện Thuận Châu. Đến khoảng cuối năm 2019 Sùng A S được Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Sơn La cho đi tập huấn về công tác quản lý, sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng. Sau khi tập huấn xong, ngày 09/12/2019 Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Sơn La đã cùng với Ban quản lý bản M, xã P và Đại diện UBND xã P tiến hành họp bản hướng dẫn bản M, xã P ban hành Quy chế bảo vệ phát triển rừng, quản lý sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng của bản M, xã P, huyện Thuận Châu, sau khi họp xong tháng 02 năm 2020, Ban quản lý bản M, xã P đã ban hành Quy chế bảo vệ phát triển rừng, quản lý sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng bản M và được UBND xã P xác nhận. Bầu ra danh sách thành viên Ban quản lý sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng của bản gồm 05 người và bầu Sùng A S làm Trưởng ban.

Như vậy Sùng A S với chức vụ Trưởng bản làm Trưởng ban, là chủ tài khoản Ban quản lý sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng của bản C, xã P, huyện Thuận Châu, là người có trách nhiệm quản lý thu, chi tiền chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng, sau khi rút tiền tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Thuận Châu để chi trả dịch vụ môi trường rừng của bản về đã không bàn

giao cho ông Thào A N là thủ quỹ giữ theo quy chế của bản đã ban hành mà tự mình Sùng A S giữ để ở nhà sử dụng chỉ cho các hoạt động C của cộng đồng bản là đã thực hiện không đúng Quy chế của bản đã ban hành. Từ tháng 3 năm 2020 đến tháng 9 năm 2021 lợi dụng chức vụ, quyền hạn là Trưởng bản và là Trưởng ban là người có trách nhiệm quản lý, sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng của bản được chi trả cho bản vào các năm 2019, 2020 và 2021 Sùng A S đã có hành vi chiếm đoạt số tiền mà mình có trách nhiệm quản lý bằng thủ đoạn lợi dụng chức vụ, quyền hạn có hành vi chiếm đoạt tổng số tiền 168.249.000 đồng, mục đích chiếm đoạt là sử dụng vào chi tiêu cá nhân.

[3] Về tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Xét thấy hậu quả của tội phạm là rất nghiêm trọng, việc thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã làm ảnh hưởng đến việc thực hiện đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong việc quản lý, sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng chỉ cho hoạt động bảo vệ phát triển rừng, quản lý sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng, đã xâm phạm đến quan hệ sở hữu và hoạt động đúng đắn của cộng đồng bản C, xã P, huyện Thuận Châu trong lĩnh vực quản lý tài sản nói C và quản lý ngân sách nhà nước nói riêng.

Như vậy, lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng từ liên quan đến việc thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng của cộng đồng bản C, kiểm tra sổ sách, quỹ tiền mặt do S quản lý và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được Cơ quan điều tra thu thập khách quan đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Sùng A S đã phạm vào tội Tham ô tài sản với tình tiết định khung tăng nặng “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*” cần vận dụng điểm d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[4] Xét hành vi của bị cáo Sùng A S là vi phạm pháp luật bởi: Bị cáo là người có chức vụ, quyền hạn, đồng thời là người có trách nhiệm quản lý đối với số tiền, bị cáo đã không thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao, nhất là trong công tác quản lý mà lợi dụng để chiếm đoạt số tiền 168.249.000 đồng sử dụng vào mục đích cá nhân. Mục đích của bị cáo đã đạt được, hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành cả ý thức chủ quan, khách quan lẫn kết quả của việc chiếm đoạt và đều được bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, động cơ vì vụ lợi, chiếm đoạt tiền của Cộng đồng bản để sử dụng vào mục đích cá nhân, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả xảy ra. Như vậy hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Tham ô tài sản, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự như quan điểm truy tố, luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Bị cáo là người có chức vụ, quyền hạn và là người có trách nhiệm quản lý tài sản biết rõ hành vi tham ô tài sản là hành vi bị Nhà nước nghiêm cấm, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của cơ

quan, tổ chức của Nhà nước, cá nhân, làm ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan, tổ chức xâm phạm đến lợi ích của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy cần lên một mức án mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm, nhất là trong việc đấu tranh phòng chống tham nhũng, tiêu cực ở nước ta hiện nay, trên cơ sở xem xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Sùng A S không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo đã tích cực bồi thường, bị cáo cùng gia đình đã tự mình nộp lại tài sản tham ô, sau khi phạm tội đã khắc phục toàn bộ hậu quả và đã bồi thường toàn bộ giá trị tài sản chiếm đoạt do mình gây ra là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Sùng A S được tặng giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác phát triển kinh tế - xã hội- quốc phòng - an ninh, là trưởng bản nhiều năm có nhiều đóng góp cho việc xây dựng nông thôn mới của xã P, điều kiện kinh tế, gia đình của bị cáo hiện còn gặp nhiều khó khăn, là trụ cột trong gia đình, con còn nhỏ, vợ không có công ăn việc làm, được cộng đồng bản C, xã P, huyện Thuận Châu xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo có bố được chứng nhận đã có thành tích trong phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc, có hai bác được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình sinh sống và làm việc tại địa phương luôn chấp hành tốt đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề nhẹ hơn được áp dụng theo Điều 353 của Bộ luật hình sự cho bị cáo.

[6] Đối với hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 5 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền phạm tội mà có, điều kiện kinh tế, gia đình của bị cáo hiện còn gặp nhiều khó khăn, bản thân bị cáo không có tài sản, không có khả năng thi hành nên Hội đồng xét xử không áp dụng khoản 5 Điều 353 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[7] Đối với ông Sùng N T là người vay số tiền 20.000.000 đồng của Sùng A S. Quá trình điều tra xác định được Sùng N T không biết nguồn gốc số tiền S cho vay và không liên quan đến hành vi phạm tội của Sùng A S nên Cơ quan cảnh sát

điều tra Công an huyện Thuận Châu không đề cập đến vấn đề xử lý đối với Sùng N T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[8] Đối với các cá nhân là thành viên của Ban quản lý bản và Ban quản lý sử dụng tiền dịch vụ môi trường của bản C, xã P. Quá trình điều tra xác định được các cá nhân này không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của Sùng A S nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu không đề cập đến vấn đề xử lý đối với các cá nhân này là có căn cứ, đúng pháp luật.

[9] Đối với hành vi của Sùng A S cho Sùng N T vay số tiền 20.000.000 đồng để hưởng tiền lãi số tiền 9.700.000 đồng. Quá trình điều tra xác định được Sùng A S chưa có tiền án, tiền sự về hành vi cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự và số tiền S thu lợi bất chính là 9.700.000 đồng nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Sùng A S về tội Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 201 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[10] Về bồi thường dân sự:

Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo Sùng A S, chị Mùa Thị C với đại diện Cộng đồng bản C, xã P, huyện Thuận Châu bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt 168.249.000 đồng là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật cần chấp nhận. Trong đó:

+ 39.761.000 đồng là tiền Sùng A S và chị Mùa Thị C giao nộp khắc phục hậu quả do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu thu giữ trong quá trình khám xét nhà ở của Sùng A S đã được Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu trao trả cho ngày 02/11/2023.

+ 75.488.000 đồng là tiền chị Mùa Thị C giao nộp khắc phục hậu quả cho Cộng đồng bản C, xã P, huyện Thuận Châu vào ngày 13/12/2023.

+ 53.000.000 đồng chị Mùa Thị C đã giao nộp khắc phục hậu quả tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Châu.

Như vậy giữa bị cáo Sùng A S, chị Mùa Thị C với đại diện Cộng đồng bản C, xã P, huyện Thuận Châu đã thỏa thuận bồi thường toàn bộ thiệt hại và không có yêu cầu, đề nghị gì thêm. Do vậy vấn đề bồi thường dân sự không đặt ra.

(Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự).

[11] Về vật chứng :

Đối với 04 quyển sổ tay (*Bản gốc*) là tài sản của Cộng đồng bản C, xã P, huyện Thuận Châu cần tuyên trả lại cho chủ sở hữu.

Đối với số tiền 273.000.000 đồng do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu thu giữ, xét thấy đây là tiền dịch vụ môi trường rừng của bản C, xã P, huyện Thuận Châu chưa chi, không liên quan đến vụ án. Do vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu trao trả cho chủ sở hữu là có căn cứ cần chấp nhận.

Đối với số tiền 9.700.000 đồng là tiền lãi từ số tiền 20.000.000 đồng mà ông Sùng N T vay của Sùng A S cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu

thu giữ được 1.000.000 đồng, còn số tiền 8.700.000 đồng đã tiêu xài hết không thu giữ lại được. Đây là khoản thu lời bất chính từ việc phạm tội cần tịch thu nộp vào Ngân sách nhà nước.

(Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[12] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Sùng A S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

[13] Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 353; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự :

Tuyên bố bị cáo Sùng A S phạm tội: Tham ô tài sản.

Xử phạt bị cáo Sùng A S 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ 11/7/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo được quy định tại khoản 5 Điều 353 Bộ luật hình sự.

2. Về bồi thường dân sự : Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự :

Chấp nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo Sùng A S, chị Mùa Thị C với đại diện Cộng đồng bản C, xã P, huyện Thuận Châu bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt 168.249.0000 đồng và không có yêu cầu bồi thường gì khác. Cụ thể:

+ Được khấu trừ vào số tiền 39.761.000 đồng (ba mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn đồng) đã được Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu trao trả cho Cộng đồng bản C, xã P, huyện Thuận Châu ngày 02/11/2023.

+ Được khấu trừ vào số tiền 75.488.000 đồng (bảy mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng) là tiền chị Mùa Thị C giao nộp cho Cộng đồng bản C, xã P, huyện Thuận Châu ngày 13/12/2023.

+ Được khấu trừ vào số tiền 53.000.000 đồng (năm mươi ba triệu đồng) theo biên lai thu ký hiệu BLTT/23, quyển số 017, số 0000801 ngày 12/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Châu, Cộng đồng bản C, xã P, huyện Thuận Châu.

2.Về vật chứng: Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước là tiền do bị cáo Sùng A S phạm tội mà có số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) gồm 02 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) có mã số hiệu lần lượt là: CI 18491232, XE 15615610 được đựng trong một phong bì màu trắng niêm phong, mặt trước ghi: Vật chứng vụ Sùng A S tham ô tài sản, niêm phong hồi 15 giờ 10 phút ngày 10/10/2023 tại phòng PC 09 Công an tỉnh Sơn La. Gồm có số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) + Vỏ phong bì cũ gửi giám định. Mặt sau phong bì, dán giấy niêm phong của Công an tỉnh Sơn La số: 0019317, có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành phần tham gia niêm phong và 02 hình dấu đỏ của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 03/11/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Thuận Châu và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Châu).

- Tịch thu của bị cáo Sùng A S nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 8.700.000 đồng (tám triệu bảy trăm nghìn đồng) là tiền do phạm tội mà có bị cáo đã tiêu xài hết.

- Trả lại cho Cộng đồng bản C, xã P, huyện Thuận Châu:

+ Một quyển sổ tay bìa giả da màu đen gồm 60 tờ có chữ được đánh thứ tự từ 01 đến 60.

+ Một quyển sổ tay bìa giả da màu nâu gồm 87 tờ có chữ được đánh thứ tự từ 01 đến 87.

+ Một quyển sổ tay bìa giấy màu xanh trắng gồm 09 tờ có chữ được đánh thứ tự từ 01 đến 09.

+ Một quyển sổ tay bìa giả da màu đen gồm 75 tờ có chữ được đánh thứ tự từ 01 đến 75.

4 quyển sổ tay này được đựng trong một hộp bìa cát tông màu xanh loại đựng giấy in A4 nhãn hiệu PAPERONE, dùng kéo cắt một phần thành hộp giấy tạo thành nắp đậy kín nắp hộp lại, dùng băng dính trong suốt dán kín miệng nắp hộp lại, phần giáp lại miệng hộp có dán 02 tem niêm phong của Công an tỉnh Sơn La số: 025770, 025771. Trên tem niêm phong có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành phần tham gia niêm phong và 02 hình dấu đỏ của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Mặt trên nắp hộp có dán tờ giấy trắng khổ giấy A4 ghi dòng chữ “Vật chứng tạm giữ vụ Sùng A S, tham ô tài sản tạm giữ ngày 11/7/2023”.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 03/11/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Thuận Châu và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Châu).

- Chấp nhận việc ngày 02/11/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu trả lại cho Cộng đồng bản C, xã P, huyện Thuận Châu số tiền 272.700.000 đồng (hai trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

4.Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Sùng A S phải chịu án phí hình sự sơ

thảm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự : Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Thuận Châu (02 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Ban chỉ đạo Phòng chống tham nhũng, tiêu cực huyện Thuận Châu;
- UBKT huyện ủy Thuận Châu;
- CA huyện Thuận Châu;
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu án văn;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Tiến Hải

